TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **17**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17/6/2025. V/v: *Xin ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân**: Ông Tạ Văn Nhật và bà Nguyễn Thị Sen

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/06/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 209/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024, về việc "*Xin ly hôn, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/5/2025, giữa:

***Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Quốc V –** sinh năm 1981; Có mặt.

HKTT và ở: Số 26, ngõ 13, đường Thượng Hội, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Hương G – sinh năm 1985; Có mặt.

HKTT: xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Căn hộ số 502 Toà nhà CT1A chung cư T, xã L, huyện Đ, thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chị G: Luật sư Lưu Văn Q – thuộc văn phòng luật sư 365 – đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quách Thị M, sinh năm 1938. Vắng mặt.

2. Cháu Nguyễn Diệu H, sinh năm 2009

Cháu Nguyễn Diệu Hương do anh Nguyễn Quốc Vlà người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: Số nhà 26, ngõ 13, đường Thượng Hội, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Vtrình bày:

Về tình cảm: Anh và Chị Đặng Thị Hương Gđăng ký kết hôn ngày 17 tháng 01 năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn Chị G về nhà anh tại Tân Hội làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống thì vợ chồng đã có những mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Năm 2023 anh đã nộp đơn xin ly hôn nhưng không được chấp nhận nên vợ chồng sống lý thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không có tình cảm với Chị G đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Hương, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 18/8/2013. Hiện nay cháu Hương đang ở với anh, còn cháu Nam đang ở với mẹ. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hương. Đề nghị Toà án giao cháu Nam cho chị Hương nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho đến nào.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Trong quá trình hôn nhân thì anh chị có xây được 01 căn nhà 02 tầng vào năm 2019, tuy nhiên anh xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng vì nguồn tiền xây dựng là không phải của vợ chồng anh mà là tiền đền bù giải phóng mặt bằng đất nông nghiệp của anh và mẹ anh bà Mão. Cụ thể nguồn tiền xây nhà là tiền đền bù giải phóng mặt bằng khu đô thị chức năng Green City tại xã Tân Hội. Nhân khẩu đất nông nghiệp được đền bù gồm bà Quách Thị Mão, SN 1938; chị gái anh Nguyễn Thị Minh Phương, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1966, Nguyễn Thị Vinh, sinh năm 1974 Nguyễn Thị Thanh Tấn, sinh năm 1977 và anh. Số tiền được nhận đền bù là khoảng 1,4 tỷ đồng. Sau khi đề bù gia đình chia nhau được mỗi người khoảng 300 triệu. Phần tiền của anh và mẹ anh cho khoảng 600 triệu được dùng để xây ngôi nhà hiện nay. Thời điểm đó anh chị xây nhà hết khoảng hơn 800 triệu, số tiền còn thiếu anh đi vay của anh em, bạn bè. Hiện nay anh còn nợ tổng số tiền hơn 300 triệu. Đồng thời trong quá trình chung sống anh chị có 03 chiếc xe gồm 01 chiếc xe vision và 02 chiếc xe wave, trong đó có 01 chiếc xe Wave vợ anh mua trước khi cưới, sau đó anh chị bán 01 chiếc xe Wave của vợ mua trước khi cưới được 05 triệu đồng. Còn lại 02 chiếc xe anh và Chị G mỗi người sử dụng 01 chiếc. Nay Chị G có yêu cầu chia tài sản

chung với số tiền 300.000.000 đồng anh không đồng ý. Anh chỉ hỗ trợ dược Chị G tối đa số tiền 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Số tiền vay làm nhà đều là vay của người thân và bẹn bè nên không có giấy vay tiền hay xác nhận nợ của hai vợ chồng. Tuy nhiên do Anh V xác định ngôi nhà không phải là tài sản chung nên phần vay nợ để xây nhà anh sẽ có trách nhiệm trả.

Bị đơn Chị Đặng Thị Hương G trình bày:

Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn như Anh V đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn là Anh V có quan hệ ngoài luồng ở bên ngoài, về nhà Anh V cố tình gây sự vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau nên chị phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Sau khi được chính quyền địa phương can thiệp tình cảm vợ chồng không có tiến triển gì, vẫn mâu thuẫn cãi vã nhau, chị có chuyển ra ngoài ở một thời gian, sau đó quay về nhà. Khoảng giữa năm 2023 Anh V có nộp đơn xin ly hôn nhưng chị không đồng ý và sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Anh V có đơn xin ly hôn chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Hương, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 18/8/2013. Cháu Hương đang ở số nhà 26, ngõ 13 đường Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với Anh V. Cháu Nam ở với chị tại Căn hộ số 502, Toà CT1A chung cư T, xã L, huyện Đ, thành phố H Nhà chị đang ở là của em gái tôi. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nam, đối với cháu Hương nếu cháu có nguyện vọng ở với bố chị đồng ý. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, phát triển vào khối tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân năm 2019 anh chị có xây dựng được 01 căn nhà 02 tầng, diện tích khoảng 100m2 trên đất tại số nhà 26, ngõ 133, đường Thượng Hội, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Thời điểm này anh chị xây hết khoảng 1,2 tỷ. Nguồn tiền xây dựng là từ nguồn tiền tích cóp của hai vợ chồng và hai bên nội ngoại hỗ trợ. Ngoài ra, trước khi lấy nhau chị có mua được 01 chiếc xe Wave, sau khi kết hôn năm 2010 mua tiếp 01 xe Wave, sau đó năm 2014 bán 01 chiếc xe Wave để mua xe Vision. Hiện nay Anh V vẫn đang sử dụng xe Vision còn chiếc xe Wave chị vừa mới bán khoảng tháng 6 năm 2024. Chị đề nghị Toà

án chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 02 tầng diện tích 100m2 tại xã Tân Hội và 01 chiếc xe Vision Anh V đang sử dụng, theo đó chị muốn nhận bằng tiền mặt số tiền 300.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Vgiữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Toà án giải quyết về tình cảm và con chung.

- Bị đơn Chị Đặng Thị Hương Ggiữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

- Người bào chữa cho Chị G, luật sư Lưu Văn Quang trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết:

+ Chấp nhận cho Chị Đặng Thị Hương G được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Việt.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy Nam cho chị Đặng Thị Hương Giang, giao cháu Nguyễn Diệu Hương cho anh Nguyễn Quốc Vtrông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

+ Về tài sản chung: Giao chiếc xe Honda Wave cho Chị G quản lý, sử dụng; Chia tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của Anh V, Chị G. Buộc anh Nguyễn Quốc Vphải thanh toán phần chênh lệch cho Chị G với số tiền 469.881.500 đồng trong trường hợp Hội đồng xét xử giao căn nhà 02 tầng và chiếc xe Honda Vision cho Anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử và thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Vvà chị Đặng Thị Hương Giang. Giao cháu Nguyễn Diệu Hương, sinh ngày 27/6/2009 cho anh Nguyễn Quốc Vnuôi dưỡng và cháu Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 18/8/2013 cho Chị Đặng Thị Hương Gnuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Quốc Vđược hưởng giá trị ngôi nhà hai tầng trên thửa đất tại nhà 26, ngõ 133, đường Thượng Hội, xã

Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội gồm ngôi nhà 2 tầng tổng diện tích 225,4 m2, sân gạch bê tông, cổng sắt, 01 xe máy Honda Vision (tổng giá trị tài sản 944.494.000 đồng) và thanh toán 472.247.000 đồng cho chị Đặng Thị Hương Giang. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Vphải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh V và Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về số tài sản được hưởng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Quốc Vkhởi kiện về việc xin ly hôn với chị Đặng Thị Hương Giang. Chị G có hộ khẩu thường trú tại cụm 12, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Quốc Vvà Chị Đặng Thị Hương Gkết hôn ngày 17/01/2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống hôn nhân rơi vào trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải cả Anh V, Chị G đều xác định tình cảm không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh V và Chị G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 55; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Vvà chị Đặng Thị Hương Giang.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Hương, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 18/8/2013. Cháu Hương đang ở số nhà 26, ngõ 13 đường Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với Anh V. Cháu Nam ở với Chị G tại Căn hộ số 502, Toà CT1A chung cư T, xã L, huyện Đ, thành phố H Anh V có nguyện vọng được nuôi cháu Hương, Chị G có nguyện vọng được nuôi cháu Nam. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản ghi lời khai của các con, cháu Nguyễn Diệu Hương có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Quốc Việt, cháu Nguyễn Duy

Nam có nguyện vọng được ở với chị Đặng Thị Hương Giang. Kể từ khi ly thân các con đã ở ổn định với anh chị tại các địa chỉ trên. Do đó, để tránh sáo trộn cuộc sống cũng như theo nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Diệu Hương cho anh Nguyễn Quốc Việt, giao cháu Nguyễn Duy Nam cho Chị Đặng Thị Hương Gtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Bị đơn đề nghị xác định 01 căn nhà 02 tầng, diện tích khoảng 100m2 trên đất tại số nhà 26, ngõ 133, đường Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xây năm 2019; 01 xe máy Honda Vision BKS số 29X3 273.45 và 01 xe Wave BKS 30X3 – 9562 là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chia theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16/4/2025 của Hội đồng định giá huyện Đan Phượng xác định:

+ Các tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà 02 tầng, sân gạch bê tông xi măng, cổng sắt, tường gạch 110 có tổng giá trị là: 944.494.000 đồng.

+ 01 xe máy Honda Wave, BKS 30X3 – 9562 có giá trị là 7.500.000 đồng.

+ 01 xe máy Honda Vision, BKS 29X3 – 273.45 có giá trị là 16.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 110,6m2 trên thửa đất số 656, tờ bản đồ số 03 tại số nhà 26, ngõ 133, đường Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xây dựng năm 2019, các bên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đây là tài sản riêng, tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của Anh V, Chị G nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Đối với 01 chiếc xe máy Honda Vision, BKS 29X3 – 273.45 và 01 chiếc xe Wave, BKS 30X3 – 9562 cả hai bên đều thừa nhận đây là tài sản chung. Do đó, HĐXX xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn anh của Anh V, Chị G gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 110,6m2 xây năm 2019 trên đất tại số nhà 26, ngõ 133, đường Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, 01 chiếc xe máy Honda Vision, BKS 29X3 – 273.45 và 01 chiếc xe Wave, BKS 30X3 – 9562.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung của Chị G: Về nguồn tiền xây dựng Anh V trình bày từ tiền đền bù giải phóng mặt bằng và vay mượn của bạn bè, người thân; còn Chị G trình bày do hai vợ chồng tích cóp và hai bên gia đình hỗ

trợ. Ngày 09/5/2025 Toà án ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ là các hoá đơn, chứng từ thanh toán chi phí tiền xây dựng và các chứng cứ liên quan đến nguồn tiền xây nhà nhưng chỉ có Anh V cung cấp được một số tài liệu, Chị G không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Hội đồng xét xử thấy, về công sức đóng góp Anh V xuất trình các tài liệu chứng cứ là các quyết định và phương án bồi thường thu hồi đất nông nghiệp sử dụng vào việc xây ngôi nhà hiện nay, đồng thời sau khi Chị G ly thân chuyển ra ngoài sinh sống Anh V là người trực tiếp ở và quản lý tài sản nên Hội đồng xác định công sức của Anh V nhiều hơn Chị G. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đặng thị Hương Giang, chia cho Anh V được hưởng 2/3 giá trị tài sản, chia cho Chị G được hưởng 1/3 giá trị tài sản là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Chia tài sản chung của vợ chồng bằng tiền như sau: Tổng giá trị tài sản chung bằng tiền là: 944.494.000đ + 16.500.000đ + 7.500.000đ = 968.494.000 đồng. Anh V được nhận số tiền bằng 2/3 giá trị tài sản tương đương: 645.663.000 đồng. Chị G được nhận số tiền là 1/3 giá trị tài sản tương đương: 322.831.000 đồng.

- Chia tài sản chung cụ thể như sau: Tài sản chung là ngôi nhà hiện đang nằm trên thửa đất của mẹ Anh V, ngôi nhà có diện tích nhỏ nên không thể chia bằng hiện vật, đồng thời Chị G có nguyện vọng được nhận giá trị tài sản bằng tiền nên Hội đồng xét xử chia cho Anh V được sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 110,6m2 trên đất tại xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và 01 chiếc xe Honda Vision, BKS 29X3 – 273.45. Chia cho Chị G chiếc xe Honda Wave, BKS 29X3 – 273.45. Đối trừ với số tiền Chị G phải trả Anh V, Anh V còn phải thanh toán cho Chị G số tiền là: 322.831.000 đồng – 3.500.000 đồng (1/2 giá trị chiếc xe Wave) = **319.331.000** đồng (*Ba trăm mười chín triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng*).

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Vphải chịu tiền án phí ly hôn và chia tài sản chung, Chị Đặng Thị Hương Gphải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Vvà chị Đặng Thị Hương Giang.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Hương, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 18/8/2013. Giao cháu Nguyễn Diệu Hương cho anh Nguyễn Quốc Việt, giao cháu Nguyễn Duy Nam cho Chị Đặng Thị Hương Gtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Nguyễn Quốc Vvà Chị Đặng Thị Hương Gcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đặng Thị Hương Giang. Chia cho anh Nguyễn Quốc Vđược sở hữu 01 chiếc xe máy Honda Vision, BKS 29X3 – 273.45 và 01 nhà 02 tầng, diện tích 110,6m2 trên đất tại số nhà 26, ngõ 13, đường Thượng Hội, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Chia cho Chị Đặng Thị Hương Gđược sở hữu 01 chiếc xe máy Honda Wave, BKS: 30X3 – 9562. Anh Nguyễn Quốc Vcó trách nhiệm thanh toán cho Chị Đặng Thị Hương Gsố tiền **319.331.000** đồng (*Ba trăm mười chín triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng*).

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Quốc Vphải chịu **300.000** đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và **29.827.000** đồng (*Hai chín triệu tám trăm hai bảy nghìn đồng)* án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền **300.000** đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí Anh V đã nộp theo Biên lai số 0010378 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng. Anh V còn phải nộp số tiền án phí là **29.827.000** đồng **(***Hai chín triệu tám trăm hai bảy nghìn đồng)*.

+ Chị Đặng Thị Hương Gphải chịu **16.141.000** đồng *(Mười sáu triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)* án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền **3.125.000đ** *(Ba triệu một trăm hai lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí Chị G đã nộp theo Biên lai số 0010453 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng. Chị G còn phải nộp số tiền **13.016.000** đồng (*Mười ba triệu không trăm mười sáu nghìn đồng*).

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Sơn Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Huyện Đan Phượng, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**